TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HÀ NỘI** **-----***-----**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------*****----------**

*Bản án số:***202/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2026*V/v: xin ly hôn.*

Nhân danh
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Huyền

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Cao Biền

Ông Trương Công Tráng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Cù Ngô Ngọc Thịnh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 710/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2025 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 23/12/1971, CCCD số: 001071030926; Hộ khẩu thường trú và trú tại: xóm T, xã T, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn**: Bà **Trần Thị H1,** sinh năm 06/08/1982; CCCD số: 001182041213; Hộ khẩu thường trú tại: xóm T, xã T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Trong đơn ly hôn và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Tôi và bà Trần Thị H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội) ngày 28/11/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình tôi tại xã T, thành phố Hà Nội đến tháng 2 năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

không có tiếng nói chung. Bà H1 đã bỏ về nhà ngoại ở từ tháng 6/2025, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay tôi thấy không còn tình cảm với bà H1, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Trần Thị H1.

Về con chung: Tôi và bà H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/8/2009, cháu phát triển bình thường, hiện nay cháu đang ở cùng tôi. Sau ly hôn tôi xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Văn T, tôi không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung vợ chồng: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tôi không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

2. Bị đơn bà Trần Thị H1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà H1, nhưng bà H1 không cung cấp bản tự khai, không giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 26/12/2025 Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Nội cung cấp như sau: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị H1 có kết hôn và sinh sống tại thôn T, xã T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng ông H, bà H1 có phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, do vợ chồng ông bà không báo cáo nên địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn. Khoảng tháng 6/2025 bà H1 chuyển về nhà mẹ đẻ sống và vẫn đi về nhà con ở thôn T, xã T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Trần Thị H1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly

hôn của ông Nguyễn Văn H. Xử cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn bà Trần Thị H1.

Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/8/2009 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

Bà Trần Thị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1.Về tố tụng: Bà Trần Thị H1 có hộ khẩu thường trú và trú tại xã T, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hà Nội theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trần Thị H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội) vào ngày 28/11/2008 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông H tại thôn T, xã T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc. Theo ông H trình bày vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 2 năm 2024, và đã sống ly thân từ tháng 6/2025 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà H1, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H1.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị H1 phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Bà H1 đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Tại Biên bản xác minh ngày 26/12/2025 Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Nội cung cấp: Quá trình chung sống, vợ chồng ông H, bà H1 có phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, do vợ chồng ông H, bà H1 không báo cáo nên địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn. Khoảng tháng 6/2025

bà H1 chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H1, nhưng bà H1 vẫn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa. Điều đó thể hiện bà H1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa ông H và bà H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H, xử cho ông Nguyễn Văn H ly hôn bà Trần Thị H1.

Về con chung: ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/8/2009. Sau khi ly ông H xin được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, bà H1 bỏ về nhà ngoại ở, cháu T ở với bố và cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố, nên chấp nhận đề nghị của của ông H, giao cháu Nguyễn Văn T cho bố là ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác về thay đổi nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bà Trần Thị H1 cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung vợ chồng: Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Về công nợ chung vợ chồng: Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.2. Về án phí: ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

2.3.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H xin được ly hôn bà Trần Thị H1:

Xử ông Nguyễn Văn H được ly hôn bà Trần Thị H1.

Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 30/8/2009 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác về thay đổi nuôi con.

Bà Trần Thị H1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyên của ông H không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông H đã nộp đủ 300.000đ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014559 ngày 03/11/2025 tại Cục thi hành án thành phố Hà Nội.

3. **Về quyền kháng cáo**: Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND khu vực 6 - Hà Nội;*
- *THADS TP Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Luu HS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tưởng Thị Huyền